

HARDOX®
WEAR PLATE

HARDOX® HIACE ĐƯƠNG ĐẦU VỚI SỰ ẨM MÒN CỦA AXIT TRONG NHÀ MÁY GIẤY VÀ XƯỞNG CỬA

HARDOX®
HIACE

Khám phá thế giới đa dạng của thép Hardox®



hardox.com

SSAB

HARDOX® HiACE BỀN VỮNG VÀ HIỆU QUẢ HƠN TRONG MÔI TRƯỜNG AXIT

Một sản phẩm mới trong danh mục sản phẩm của Hardox®, Hardox® HiAce có thể chịu được mài mòn trong môi trường axit và có độ pH thấp tại các nhà máy bột giấy, nhà máy giấy và xưởng cưa.

SSAB đã nghiên cứu lĩnh vực ăn mòn trong nhiều năm và phát triển một loại thép mới phù hợp hơn cho những môi trường này: Hardox® HiAce.

Các nhà máy bột giấy, nhà máy giấy và xưởng cưa sẽ được lợi rất nhiều khi sử dụng Hardox® HiAce. Trong suốt quá trình sản xuất, việc chế biến và vận chuyển gỗ tròn, vỏ cây, phoi bào và mùn cưa tạo ra môi trường có tính axit và độ pH thấp. Điều này khiến các thiết bị bị ăn mòn nhanh chóng.

Thép Hardox® HiAce có các đặc tính cơ học tuyệt vời giống như Hardox® 450, chẳng hạn như độ cứng, độ bền và độ dẻo dai. Sự khác biệt nằm ở cách thức Hardox® HiAce đương đầu với môi trường ăn mòn.

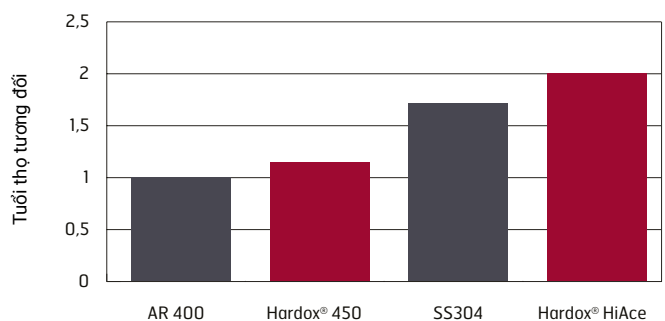
Khi nồng độ pH giảm, các cơ chế mài mòn khác nhau sẽ đồng loạt tấn công. Thép cứng hơn không hẳn giúp được thiết bị có tuổi thọ cao hơn. Hardox® HiAce có cơ chế hoạt động giống như thép 450 HBW trong môi trường mài mòn thường xuyên. Tuy nhiên, trong môi trường có độ pH thấp hơn, loại thép này có thể kéo dài tuổi thọ gấp tới hai lần so với thép 400 HBW.

Trong các thử nghiệm, chúng tôi đã sử dụng các loại axit và chất mài mòn khác nhau nhằm so sánh Hardox® HiAce với thép không gỉ. Kết quả cho thấy Hardox® HiAce có thể tốt hơn thép không gỉ thông thường, chẳng hạn như SS304, gần 20%.

Hardox® HiAce cũng có thể được sử dụng như một loại thép kết cấu. Nó có thể chịu được lực va đập theo bảo hành là 27 J ở nhiệt độ -20 °C (20 ft-lb ở -4 °F). Nó có sẵn các độ dày trong khoảng từ 4mm đến 25,4 mm (0,157-1 inch) theo bảng kích thước bên dưới.

Có thể gia công Hardox® HiAce bằng những loại máy móc giống như sử dụng cho các loại thép Hardox® khác. Khả năng uốn cong tương tự như thép Hardox® 450.

Tuổi thọ tương đối trong môi trường xử lý gỗ và vỏ cây tiếp xúc với nước, cát và đất dính trên vỏ cây



Hardox® HiAce																						
Độ cứng định danh HBW			Độ dai và đập CVT được bảo hành tính bằng J ở nhiệt độ -20 °C (ft-bl ở -4 °F)					Tuổi thọ trong môi trường axit phụ thuộc vào mức độ mài mòn (tương đối với thép 400 HBW)					CEV/CET điển hình đối với loại 20 mm (¾ inch)				Khoảng độ dày mm (inch)					
425-475			27 J (20 ft-lb)					gấp tới 2 lần					0,99/0,38				4,0-25,4 (5/32-1 inch)					
Chiều rộng	1000-	1351-	1500-	1601-	1701-	1801-	1901-	2001-	2101-	2201-	2301-	2401-	2501-	2601-	2701-	2801-	2901-	3001-	3101-	3201-	3301-	
Độ dày	1350	1499	1600	1700	1800	1900	2000	2100	2200	2300	2400	2500	2600	2700	2800	2900	3000	3100	3200	3300	3350	
4,0-4,7																						
4,8-5,7																						
5,8-6,7																						
6,8-7,7																						
7,8-8,7																						
8,8-10,0																						
10,1-24,0																						
24,1-25,4																						

■ Nằm ngoài kích thước cho sẵn

■ Do một số hạn chế, hãy liên hệ với đại diện bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin